

Số: /QĐ-UBND

Hiệp Hòa, ngày tháng 7 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 932/TTr-TNMT ngày 18/7/2023,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam, địa chỉ số 9, phố Vọng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Nhà máy PNTEC Việt Nam”, địa chỉ thực hiện tại một phần lô CN7, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy PNTEC Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: một phần lô CN7, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 01012514438 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/11/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 20/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 01012514438

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần lô CN7, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng 3.340 m<sup>2</sup>.

- Quy mô của dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất bình chữa cháy khí FM200, loại 68L với quy mô: 100 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất bình chữa cháy khí FM200, loại 127L với quy mô: 85 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất bình chữa cháy khí FM200, loại 140L với quy mô: 85 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất bình chữa cháy khí FM200, loại 12.5L với quy mô: 500 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất bình chữa cháy khí FM200, loại 18L với quy mô: 500 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất vỏ bình chữa cháy MT3, MT5 với quy mô: 20.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất vỏ bình chữa cháy MFZL4, MFZL8, MT35L với quy mô: 30.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất may mặc quần áo bảo hộ lao động: 2.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã Hợp Thịnh, Công ty TNHH Khu công nghiệp Eparks nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã Hợp Thịnh.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Hợp Thịnh, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Nhà máy PNTEC Việt Nam” tại một phần lô CN7, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Hợp Thịnh; Công ty cổ phần công nghệ thiết bị Phương Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã Hợp Thịnh;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Thảo**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

01 nguồn phát sinh nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại hố ga đầu nối với của hệ thống thu gom, xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hố ga nằm ngoài hàng rào cách góc Tây Bắc của Công ty TNHH Phát triển công nghiệp Minh Khuê phía giáp với Công ty TNHH Sunjin Hà Nội khoảng 5m.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X=2358435,28; Y=386701,67

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 0,21 m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án được xả theo phương thức bơm cưỡng bức theo đường ống PVC D160 với tổng chiều dài khoảng 105m vào hố ga của hệ thống thu gom nước thải CCN Hợp Thịnh.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100
5	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	0,5
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng photpho	mg/l	6
9	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000

Tần suất quan trắc: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải định kỳ

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải**

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D110 chiều dài khoảng 26m về xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải theo đường ống PVC D160 chiều dài khoảng 20m dẫn đến trạm xử lý nước thải công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

- Nước thải từ nhà bếp (khu bếp ăn) được thu gom vào bể tách dầu mỡ 03 ngăn dung tích 96 lít sau đó theo đường ống PVC D110 chiều dài khoảng 25 m dẫn về hệ thống ống PVC D160 chiều dài khoảng 20 m (thu gom chung với nước thải sau bể tự hoại) đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải bếp ăn sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của CCN Hợp Thịnh.

- Thông số kỹ thuật: Trạm xử lý nước thải công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày là bể hợp khối gồm các bể thu gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng và bể khử trùng. Trạm xử lý nước thải được thiết kế hợp khối bằng vật liệu Composite.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Hóa chất, vật liệu	Khối lượng sử dụng
1	Methanol	20 kg/tháng
2	Men vi sinh BI EM N1	1 kg/tháng
3	Mật rỉ đường	10 kg/tháng
4	Clorin dạng viên nén	2 kg/tháng

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi thoát ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Hợp Thịnh.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý Trạm xử lý nước thải công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT cột B) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải tại bể thu gom	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Tổng Photpho, Tổng nitơ; Coliform.	1 ngày/lần. Thời gian dự kiến: Ngày: 10/10/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT cột B.
2	Nước thải sau bể khử trùng		1 ngày/lần, quan trắc trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: 10/10/2024 - Lần 2: 11/10/2024 - Lần 3: 12/10/2024	

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải vào hệ thống thoát nước của Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.



**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong nhà máy.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- 01 vị trí trong xưởng sản xuất khu vực xưởng cơ khí. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ ):

$$X=2358546; Y=386697.$$

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và công nhân trực tiếp vận hành máy móc thiết bị.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.
- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.
- Định kỳ (6 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu tại các bộ phận chuyển động các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: khoảng 2.487 kg/năm, gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có thành phần nguy hại (Giấy ráp, đá mài... dính dầu)	Rắn	50
2	Phoi, vật liệu mài ra có dính dầu	Rắn	100
3	Xi hàn có các thành phần nguy hại	Rắn	20
4	Dầu, mỡ thải	Lỏng	30
5	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	50
6	Vỏ thùng, can đựng dầu	Rắn	50
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5
8	Pin thải	Rắn	5
9	Ắc quy thải	Rắn	50
10	Bình chữa cháy thành phẩm không đạt yêu cầu, sản phẩm lỗi hỏng chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	2.127
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>2.487</b>

**1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt: bao bì, hộp đựng	7,5	195

	thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...		
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: nguyên vật liệu, sản phẩm lỗi hỏng, đầu mẫu sắt thép thừa, bình chữa cháy hỏng đã hỏng hoàn toàn, bì carton, bao bì nilon loại bỏ, nhãn mác thải bỏ; hoạt động may quần áo bảo hộ phát sinh chất thải như vải vụn, chỉ thừa, lõi cuộn chỉ...	40	1.040
<b>Tổng</b>		<b>47,5</b>	<b>1.235</b>

- Lượng bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải khoảng 10 m<sup>3</sup>/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)***

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- 09 thùng chứa dung tích 120 lít, có nắp đậy, đặt trong kho chất thải nguy hại, thùng chứa được dán nhãn tên loại, mã CTNH

- Bố trí khu vực chứa bình chữa cháy bình chữa cháy hỏng chưa đảm bảo hỏng hoàn toàn, khu vực được dán nhãn tên loại, mã CTNH trong kho chứa CTNH.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đến mang chất thải nguy hại đi xử lý với tần suất dự kiến là 06 tháng/lần.

#### **2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà**

- Diện tích kho lưu chứa: 09 m<sup>2</sup> (kích thước 3mx3m).

- Kết cấu kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng tường gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

+ Bố trí 04 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 120 lít/thùng, trong nhà xưởng

+ Bố trí 04 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 120 lít/thùng, bố trí tại kho chứa chất thải sản xuất.

#### **2.2.2. Kho lưu chứa chất thải trong nhà**

- Diện tích kho chứa: 9m<sup>2</sup> (kích thước 3mx3m).

- Thiết kế của kho chứa chất thải: kho được thiết kế xây dựng tường gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải sản xuất mang đi xử lý theo quy định với tần suất dự kiến 3 tháng/lần.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích khoảng 80 lít tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn..., Hàng ngày, công nhân vệ sinh của nhà máy thu gom rác thải từ các khu vực trên đưa về 01 thùng chứa rác tổng có nắp đậy, bánh xe đẩy có dung tích khoảng 500 lít để lưu giữ.

#### 2.3.2. Kho lưu chứa

Dự án bố trí 01 Thùng chứa rác tổng có nắp đậy đặt ở gần cổng nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.